

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 1971/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 03 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung,
bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 06 năm 2024 của Bộ
Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa
đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của
Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2673/TTr-
SGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

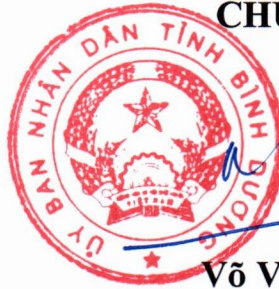
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính (TTHC)
mới ban hành, 01 TTHC (Mã TTHC: 2.001802) được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ
01 TTHC (Mã TTHC: 2.001865) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao
thông vận tải được công bố tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 16/5/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa
thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/Ủy ban nhân
dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương.

(Chi tiết tại: Phần I - Danh mục TTHC; Phần II - Nội dung cụ thể của
TTHC)

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, HCC;
- Lưu: VT, Thẩm. 2



CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1971/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung ban hành mới	Trang
1	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.	1
2	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ		4

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Trang
1	2.001802	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.	8

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1	2.001865	Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa	Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Ghi chú: Sửa đổi, bổ sung 01 TTHC (Mã TTHC: 2.001802) trang 501 và bãi bỏ 01 TTHC (Mã TTHC: 2.001865) từ trang 499 đến trang 500 (Phần II - nội dung cụ thể của TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương.

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1971 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

1. Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tự thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương (bao gồm cả nạo vét cơ bản, nạo vét duy tu và nạo vét khẩn cấp) bằng kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp (không kết hợp thu hồi sản phẩm), gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương 01 (một) văn bản đề xuất theo mẫu quy định.

b) Giải quyết TTHC:

Căn cứ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, giải pháp huy động vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước để nạo vét tuyến luồng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp. Trường hợp không chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời tổ chức, doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ;



b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

d) Cơ quan phối hợp: Không có;

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương

1.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Mẫu Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương:

....(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề xuất thực hiện nạo
vét đường thủy nội địa địa
phương...(3)...

.....(2) ..., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: UBND tỉnh

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày.... tháng năm ... của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

...(1)... đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải/đường thủy nội địa quốc gia/đường thủy nội địa địa phương với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Sự cần thiết:
2. Phạm vi:
3. Quy mô thực hiện:
4. Nguồn vốn và khả năng huy động vốn thực hiện:
5. Thời gian thực hiện:
6. Phương án khai thác, vận hành (nếu có):
7. Thông tin liên hệ: Họ tên, chức vụ, điện thoại, email,...

(1)... cam kết tuân thủ quy định tại Nghị định số/.../NĐ-CP ngày.... về việc quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; không lợi dụng thực hiện nạo vét để thu hồi, tận thu sản phẩm nạo vét; thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, an toàn, môi trường, cảnh quan; tự chịu trách nhiệm hiệu quả đầu tư và kinh phí đầu tư; không yêu cầu nhà nước bồi hoàn chi phí.

...(1)... kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(4).... xem xét, chấp thuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

.....(5).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu,
hoặc chữ ký số hợp lệ của tổ chức,
doanh nghiệp nếu thực hiện trên môi
trường điện tử)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thực hiện nạo vét.
- (2) Tên địa danh nơi lập văn bản.
- (3) Tên luồng đề xuất nạo vét đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (4) Tên địa danh nơi có khu vực đề xuất thực hiện nạo vét.
- (5) Người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thực hiện nạo vét.

2. Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét gửi hồ sơ đề nghị tiếp nhận chất nạo vét trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về khu vực, địa điểm đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập danh mục, công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, bao gồm các khu vực, địa điểm do tổ chức, cá nhân đề xuất và khu vực, địa điểm thuộc đất do nhà nước quản lý đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét. Việc công bố này phải được ban hành thành Quyết định và niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo mẫu quy định.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các văn bản cho phép sử dụng khu đất của cơ quan có thẩm quyền;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản trả lời

2.8. Phí, lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

2.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.



Mẫu Văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa:

....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa

.....(2) ..., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

...(1)... đề nghị được tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh/thành phố

(3)... với các thông tin chi tiết như sau:

1. Khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận:
2. Địa chỉ:
3. Tọa độ các điểm góc ranh giới khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận: sử dụng hệ tọa độ quốc gia VN-2000
4. Diện tích: héc ta (ha) hoặc m²
5. Khả năng tiếp nhận: m³
6. Hiện trạng khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận: mô tả hiện trạng khu đất...
7. Thời gian dự kiến tiếp nhận:
8. Các văn bản pháp lý của khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận: nêu và gửi kèm bản sao các văn bản pháp lý của khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các văn bản cho phép sử dụng khu đất của cơ quan có thẩm quyền.
9. Thông tin liên hệ: họ tên, chức vụ, điện thoại, email,...

...(1)... cam kết chịu trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Nghị định số/...../NĐ-CP ngày.... về việc quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

...(1)... kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(3).... xem xét, chấp thuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

.....(4).....

*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu,
hoặc chữ ký số hợp lệ của tổ chức,
doanh nghiệp nếu thực hiện trên môi
trường điện tử)*

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tiếp nhận chất nạo vét.
- (2) Tên địa danh nơi lập văn bản.
- (3) Tên địa danh nơi có khu vực đề nghị tiếp nhận chất nạo vét.
- (4) Người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tiếp nhận chất nạo vét.

3. Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Căn cứ danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm chất nạo vét ở biển do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ trong tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, để được chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình;

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa công bố danh mục hoặc khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển đã được công bố không bảo đảm yếu tố kinh tế, kỹ thuật của dự án, công trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời gian 30 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho chủ đầu tư dự án, công trình; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét;

- Đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp: sau khi nhận được đề xuất của chủ đầu tư, chậm nhất sau 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời gian 30 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển phù hợp cho chủ đầu tư dự án, công trình.

- Đối với việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình nạo vét khẩn cấp: sau khi nhận được đề xuất của chủ đầu tư, chậm nhất sau 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời về việc chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét cho dự án, công trình.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản trả lời

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có.

3.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.